

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

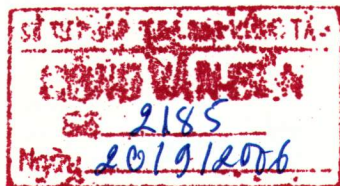
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2764 /2006/QĐ-UBND.

Vũng Tàu, ngày 14 tháng 9 năm 2006

### QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy định về chế độ thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; mức thu và tỉ lệ phần trăm (%) số phí thu được để lại.



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;  
Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  
Căn cứ Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP;  
Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;  
Căn cứ Thông tư số 71/2003/TT-BTC ngày 30/7/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  
Căn cứ Nghị quyết số: 04/2006/NQ-HĐND ngày 20/7/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về các đề án, tờ trình của UBND tỉnh;  
Theo đề nghị của liên Sở Tài nguyên và Môi trường - Tài chính tại Tờ trình số 1021/LS-TNMT-TC ngày 14/6/2006,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản quy định về chế độ thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; mức thu và tỉ lệ phần trăm (%) số phí thu được để lại.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

k2

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ngành: Tài Chính, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ quyết định này thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính Phủ;
- Webside Chính Phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh;
- Sở Tư pháp (để theo dõi);
- Đài PT – TH tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Lưu VT – NV.
- h@08/09/06

TM. UBND TỈNH *ngb*  
CHỦ TỊCH



*[Handwritten signature]*  
**TRẦN MINH SANH**

## QUY ĐỊNH

Về chế độ thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; mức thu và tỉ lệ phần trăm (%) số phí thu được để lại.

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2.164~~ 2.164/QĐ-UBND ngày 14/1/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Đối tượng nộp và các cơ quan thu phí.

1. Đối tượng nộp là các tổ chức, gia đình và cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có nhu cầu thực hiện các quyền của người sử dụng đất và có nhu cầu khai thác, sử dụng tài liệu đất đai.

2. Cơ quan thu phí là Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện.

### Chương II MỨC THU VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG TIỀN THU PHÍ THẨM ĐỊNH CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

**Điều 2.** Mức thu phí.

1. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đ)	Cơ quan thu phí
1	Thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đất đang sử dụng nay có nhu cầu cấp giấy CNQSDĐ (cấp mới lần đầu)			
a	Đất của các hộ gia đình, cá nhân:			
a1	Khu vực các thị trấn, các phường: - Đất làm nhà ở;	đồng/hồ sơ	120.000	VPĐKQSDĐ cấp huyện.
	- Các loại đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh.	đồng/hồ sơ	140.000	VPĐKQSDĐ cấp huyện.

a2	Khu vực các xã vùng nông thôn: - Đất làm nhà ở;	Đồng/hồ sơ	100.000	VPĐKQSDĐ cấp huyện.
	- Các loại đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh.	đồng/hồ sơ	120.000	VPĐKQSDĐ cấp huyện.
b	Đất các tổ chức: + Diện tích dưới 5.000 m <sup>2</sup>	đồng/hồ sơ	200.000	VPĐKQSDĐ cấp tỉnh
	+ Diện tích từ 5.000m <sup>2</sup> đến dưới 10.000 m <sup>2</sup> (01 ha)	đồng/hồ sơ	400.000	VPĐKQSDĐ cấp tỉnh
	+ Diện tích từ 01 ha đến dưới 05 ha	đồng/hồ sơ	600.000	VPĐKQSDĐ cấp tỉnh
	+ Diện tích từ 05 ha đến dưới 10 ha	đồng/hồ sơ	1.000.000	VPĐKQSDĐ cấp tỉnh
	+ Diện tích từ 10 ha đến dưới 25 ha	đồng/hồ sơ	1.500.000	VPĐKQSDĐ cấp tỉnh
	+ Diện tích từ 25 ha đến dưới 50 ha	đồng/hồ sơ	2.000.000	VPĐKQSDĐ cấp tỉnh
	+ Diện tích từ 50 ha đến dưới 100 ha	đồng/ hồ sơ	2.500.000	VPĐKQSDĐ cấp tỉnh
	+ Diện tích từ 100 ha đến dưới 250 ha	đồng/hồ sơ	3.000.000	VPĐKQSDĐ cấp tỉnh
	+ Diện tích từ 250 ha đến dưới 500 ha	đồng/hồ sơ	4.000.000	VPĐKQSDĐ cấp tỉnh
	+ Diện tích từ 500 ha trở lên	đồng/hồ sơ	5.000.000	VPĐKQSDĐ cấp tỉnh
2	Phí thẩm định hồ sơ thực hiện các quyền của người sử dụng đất (cấp lại hoặc thay đổi chủ sử dụng)	đồng/hồ sơ	100.000	VPĐKQSDĐ cấp tỉnh, cấp huyện

2. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai: (Mức thu phí chưa bao gồm: chi phí in ấn, phô tô tài liệu):

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đ)	Cơ quan thu phí
	<b>Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai:</b> (Mức thu phí chưa bao gồm: chi phí in ấn, phô tô tài liệu):			
1	Trích sao địa bộ:	đồng/hồ sơ	100.000	VPĐKQSDĐ cấp huyện, cấp tỉnh.
2	Sao lục bản đồ địa chính:			VPĐKQSDĐ

	- Tờ bản đồ A0 - Tờ bản đồ A1	đồng/tờ đồng/tờ	100.000 70.000	cấp huyện, cấp tỉnh.
3	Xác nhận hồ sơ tài liệu: - Về số lượng thửa đất - Về các văn bản - Về sơ đồ vị trí thửa đất: + Tờ bản đồ A0 + Tờ bản đồ A1 + Tờ bản đồ A2 + Tờ bản đồ A3 + Tờ bản đồ A4	đồng/thửa đồng/ văn bản  đồng/tờ đồng/tờ đồng/tờ đồng/tờ đồng/tờ	 20.000 20.000  100.000 70.000 60.000 50.000 20.000	VPĐKQSDĐ cấp huyện, cấp tỉnh.

### **Điều 3. Quản lý, sử dụng nguồn thu.**

1. Quản lý nguồn thu: Cơ quan thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai phải thực hiện:

a) Tổ chức thu phí đúng mức quy định tại Quyết định này.

b) Thực hiện mở tài khoản “tạm giữ tiền thu phí” tại kho bạc nhà nước nơi địa phương của cơ quan thu phí. Căn cứ số lượng tiền thu được, lập bảng kê gửi toàn bộ số tiền thu phí đã thu được vào tài khoản đã mở tại kho bạc nhà nước và phải quản lý chặt chẽ các loại thu, chi.

c) Phí thu được, được để lại 100% cho đơn vị trực tiếp thu phí.

2. Phân phí thu được, đơn vị thu sử dụng như sau:

a) Chi trả các khoản tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ hiện hành cho lao động trực tiếp thu phí.

b) Chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, điện thoại, điện nước, công tác phí theo tiêu chuẩn chế độ tài chính hiện hành.

c) Chi phí sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác thu phí.

d) Chi vào mục đích tái đầu tư mua sắm thiết bị, cập nhật mở rộng những tài liệu đó nhằm phục vụ tài liệu đất đai luôn luôn mới không bị lạc hậu, biến động để cung cấp thông tin ngày càng hoàn thiện hơn.

e) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên trực tiếp thu phí. Mức tính tối đa 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi không quá 03 tháng lương bình quân thực tế trong năm nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và bằng 02 tháng lương bình quân thực tế trong năm, nếu số thu thấp hơn hoặc bằng năm trước, sau khi đảm bảo các chi phí quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này.

3. Cuối năm nếu số tiền phí thu được chi không hết, thì số kết dư đó được phép chuyển toàn bộ sang năm sau, để tiếp tục chi theo quyết toán đã duyệt.

**Điều 4. Chứng từ và đồng tiền nộp phí.**

1. Chứng từ thu phí: cơ quan thu phí phải sử dụng biên lai thu phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng in ấn thuế.

2. Đồng tiền nộp phí: phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai được nộp bằng đồng Việt Nam. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nộp bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỉ giá do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu phí.

**Chương III.  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 5.**

1. Kho bạc nhà nước tỉnh có trách nhiệm tổ chức việc hạch toán kế toán thu, chi ngân sách nhà nước đối với số tiền phí thu được theo quy định của nhà nước về ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Cục thuế tỉnh có trách nhiệm: kiểm tra đơn đốc, hướng dẫn và thực hiện quyết toán thu, nộp phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổ chức theo dõi công tác thu nộp, quyết toán số phí thu được theo quy định hiện hành.

**Điều 6.**

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

**TM. UBND TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**TRẦN MINH SANH**